TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 17/4/2023
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Huy Phương; ông Lê Đình Thọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C***: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022,về tranh chấp *" Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐ XXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Quách Công Th, sinh năm 1961

Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1949

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Quách Công Th trình bày: Ông và bà Vũ Thị Th kết hôn với nhau năm 1984 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là thị trấn P).Trong qúa trình chung sống do vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc, nhưng vì thương các con đang còn nhỏ nên ông vẫn duy trì cuộc sống vợ chồng cùng với bà Th lo cho các con ăn học, nay các con đã trưởng thành có công việc và đều đã có gia đình riêng ổn định. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn bà Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Văn Th, sinh ngày 14/12/1984 và cháu Quách Thị Th, sinh ngày 17/02/1990. Các cháu đã thành niên và có gia đình riêng nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vũ Thị Th trong bản tự khai ngày 06/12/2022 và tại các phiên hòa giải trình bày: Bà và ông Quách CôngTh kết hôn năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là thị trấn P). Cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng.Năm 2020, do điều kiện con trai thứ hai chuyển chỗ ở ra Hà Nội, các cháu còn nhỏ nên bà ra giúp các con, ít có thời gian chăm sóc ông Th. Nay ông Th làm đơn xin ly hôn bà không nhất trí. Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/4/2023, bà Th trình bày nguyên nhân ông Th làm đơn xin ly hôn bà là ông đã có quan hệ với người phụ nữ khác, bà và các con và hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải nhưng ông Th vẫn kiên quyết ly hôn nên bà cũng không muốn níu kéo tình cảm nữa nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Văn Th, sinh ngày 14/12/1984 và cháuQuách Thị Th, sinh ngày 17/02/1990. Các cháu đã thành niên và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung; Không đề nghị giải quyết

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27- NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho ông Th được ly hôn bà Th; Về con chung: Vợ chồng ông Th, bà Th có 02 con chung đều đã thành niên nên không xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;Về án phí: Ông Th phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Quách Công Th và bị đơn bà Vũ Thị Th đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3].Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ngày 08/4/2023, bà Vũ Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Ông Quách Công Th và bà Vũ Thị Th kết hôn năm 1984 trên cơ sở tự nguyện, ông Th và Bà Th đều trình bày là có đăng ký kết hôn nhưng do chuyển nhà nhiều lần, nhiều nơi nên bị thất lạc. Ủy ban nhân dân thị trấn P có văn bản xác nhận với nội dung không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1984. Căn cứ điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa ông Quách Công Th và bà Vũ Thị Th được công nhận là hôn nhân thực tế.Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Th vẫn kiên quyết ly hôn, Bà Th không nhất trí ly hôn vì lý do các con đã trưởng thành có cháu nội, cháu ngoại nên bà muốn giữ một gia đình trọn vẹn cho các con, các cháu tuy nhiên bà cũng thừa nhận trước đây giữa bà và ông Th cũng không thực sự hạnh phúc, từ năm 2020, bà đi chăm cháu nên cũng không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc cho ông Th, sau khi ông Th làm đơn xin ly hôn, bà và các con cũng đã động viên ông Th suy nghĩ lại và nhờ ông bà nội và anh em họ hàng tác động nhưng ông Th vẫn kiên quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Th là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Quách Văn Th, sinh ngày 14/12/1984 và cháu Quách Thị Th, sinh 17/02/1990. Các cháu đã thành niên và có gia đình riêng nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Quách Công Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - NQ326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Ông Quách Công Th được ly hôn bà Vũ Thị Th

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Quách Văn Th, sinh ngày 14/12/1984 và cháu Quách Thị Th, sinh 17/02/1990. Các cháu đã thành niên và có gia đình riêng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Quách Công Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010377, ngày 06/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Th đã nộp đủ án phí

Về quyền kháng cáo: Ông Quách CôngTh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Vũ Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND TT P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Lê Thị Thanh